

Số: 556/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra cho sinh viên đại học
chính quy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/09/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-ĐHNH-HĐT Ngày 05/04/2024 về việc sắp xếp tổ chức lại, đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 311/TB-ĐHNH, ngày 31/03/2021 về việc áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho các chương trình đại học chính quy chương trình chất lượng cao;

Xét chứng chỉ Anh văn sinh viên nộp và đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo
+ cho 78 sinh viên đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần chất lượng cao.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Đức Trung



DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
TIẾNG ANH BÁN PHẦN (CLC) ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHUẨN ĐẦU RA ĐỢT THÁNG 8 NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định: 356/QĐ-ĐHNH, ngày 24 tháng 9 năm 2025
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
					VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
1	050611230009	Nguyễn Hoàng Như An	15/08/2005	HQ11-MAG07	4/6			
2	050609211824	Nguyễn Yến Anh	04/02/2003	HQ9-GE05	4/6			
3	050610220030	Nguyễn Thị Kim Anh	28/04/2004	HQ10-GE23	4/6			
4	050610220026	Lê Ngọc Anh	01/08/2004	HQ10-GE30	4/6			
5	050609211819	Nguyễn Ngọc Minh Anh	17/01/2003	HQ9-GE09	4/6			
6	050611230093	Đinh Đào Ngọc Ánh	12/06/2005	HQ11-ACC03	4/6			
7	050609210140	Trần Nguyên Bình	19/10/2003	HQ9-GE09	4/6			
8	050609211863	Huỳnh Thế Danh	18/06/2003	HQ9-GE13	4/6			
9	050606180075	Phạm Anh Đào	16/06/1999	HQ6-GE08			71	
10	050609210229	Phạm Minh Đức	25/01/2003	HQ9-GE12		6.0		
11	050609210230	Trần Việt Đức	10/04/2003	HQ9-GE01	4/6			
12	050609211881	Trịnh Quang Dương	03/10/2003	HQ9-GE14	4/6			
13	050607190093	Phan Thị Mỹ Duyên	26/08/2001	HQ7-GE13		5.5		
14	050609210317	Trương Thị Ngọc Hà	29/03/2003	HQ9-GE20	4/6			
15	050609211908	Nguyễn Hồng Hà	14/11/2003	HQ9-GE20				895+340
16	050607190181	Đàm Minh Hưng	21/01/2001	HQ7-GE16	4/6			
17	030136200816	Nguyễn Tấn Hưng	03/09/2002	HQ8-GE08	4/6			
18	050611230419	Võ Thị Diễm Hương	18/07/2005	HQ11-BAF01	4/6			
19	050609211970	Võ Thanh Huyền	16/01/2003	HQ9-GE15	4/6			
20	050611230447	Lê Thị Mỹ Huyền	20/01/2005	HQ11-BAF13	4/6			
21	050608200389	Nguyễn Ngọc Duy Kha	26/02/2002	HQ8-GE11	4/6			
22	050609210534	Nguyễn Huỳnh Minh Khánh	04/12/2003	HQ9-GE06	4/6			
23	050610220243	Trang Sỹ Khoa	04/10/2004	HQ10-GE06		5.5		
24	050610221003	Đỗ Hoàng Khương	13/10/2004	HQ10-GE05	4/6			
25	050611230536	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11/04/2005	HQ11-MAG01	4/6			
26	050609210628	Lê Thị Bích Liên	26/07/2003	HQ9-GE22	4/6			
27	050607190227	Nguyễn Duy Ngọc Linh	25/08/2001	HQ7-GE13	4/6			
28	050611230571	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	01/01/2005	HQ11-BAF14			74	

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
29	050609212023	Nguyễn Thị Mỹ	Long	14/04/2003	HQ9-GE15	4/6			
30	050609212033	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	26/12/2003	HQ9-GE22	4/6			
31	050609210811	Nguyễn Phương	Nga	08/10/2003	HQ9-GE23		5.5		
32	050608200463	Hồ Thị Thu	Ngân	08/07/2002	HQ8-GE03	4/6			
33	050611230728	Nguyễn Lê Thiên	Ngân	18/02/2005	HQ11-BAF05	4/6			
34	050606180229	Mai Thị Kim	Ngân	28/08/2000	HQ6-GE08			82	
35	050609210873	Nguyễn Phạm Thảo	Nghi	02/09/2003	HQ9-GE23	4/6			
36	050611230769	Trần Trọng	Nghĩa	21/01/2005	HQ11-MAG01	4/6			
37	050611230778	Đỗ Nguyễn Bảo	Ngọc	26/04/2005	HQ11-BAF16	4/6			
38	050609210947	Nguyễn Thảo	Nguyên	04/01/2003	HQ9-GE23	4/6			
39	050610221149	Võ Duy	Nguyên	27/11/2004	HQ10-GE29	4/6			
40	050609212085	Vy Thị Mỹ	Nhàn	04/06/2003	HQ9-GE02	4/6			
41	050609210968	Nguyễn Diễm Thiện	Nhân	08/01/2003	HQ9-GE23	4/6			
42	050610220384	Đào Anh	Nhật	07/10/2004	HQ10-GE30	4/6			
43	050609212098	Nguyễn Thị Uyển	Nhi	26/02/2003	HQ9-GE23	4/6			
44	050609211008	Nguyễn Thị Yến	Nhi	02/11/2003	HQ9-GE16	4/6			
45	050609212120	Trịnh Ngọc	Như	18/02/2003	HQ9-GE09	4/6			
46	050610220418	Đinh Nhật Khánh	Như	30/06/2004	HQ10-GE20	4/6			
47	050609211066	Bùi Kiều	Như	04/07/2003	HQ9-GE24	4/6			
48	050609211033	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	12/01/2003	HQ9-GE24	4/6			
49	050609211079	Nguyễn Phi	Nhung	08/10/2003	HQ9-GE01	4/6			
50	050610221193	Nguyễn Huyền	Nhung	30/03/2004	HQ10-GE22	4/6			
51	050609212126	Tô Hà Kiều	Oanh	22/06/2003	HQ9-GE16	4/6			
52	050608200132	Nguyễn Huỳnh	Phúc	14/05/2002	HQ8-GE16	4/6			
53	050608200138	Thái Phạm Diễm	Quỳnh	28/07/2002	HQ8-GE06	4/6			
54	050609211273	Ngô Kim	Tâm	03/04/2003	HQ9-GE25		5.5		
55	050610220540	Huỳnh Thị Ngọc	Thanh	17/09/2004	HQ10-GE12	4/6			
56	050609212218	Lê Cẩm	Thơ	14/04/2003	HQ9-GE12	4/6			
57	050610220599	Quản Thị Minh	Thư	29/01/2004	HQ10-GE01				910+340
58	050609212246	Võ Thị Huyền	Thương	16/09/2003	HQ9-GE17	4/6			
59	050610221352	Lê Diễm	Thúy	19/06/2004	HQ10-GE25	4/6			
60	050609212222	Nguyễn Đoan	Thùy	02/02/2003	HQ9-GE17	4/6			
61	050608200704	Châu Vũ Hoàng	Thy	11/05/2002	HQ8-GE01	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
62	050608200623	Trương Thủy	Tiên	28/10/2002	HQ8-GE13	4/6			
63	050609211517	Nguyễn Tuyết	Trâm	07/11/2003	HQ9-GE27	4/6			
64	050609212286	Trần Bình Quế	Trân	08/07/2003	HQ9-GE17	4/6			
65	050609212263	Đặng Thị Thùy	Trang	21/08/2003	HQ9-GE27	4/6			
66	050609212275	Ngô Nguyễn Cát	Tranh	28/06/2003	HQ9-GE18	4/6			
67	050610220666	Lê Thị Phương	Trinh	22/03/2004	HQ10-GE20	4/6			
68	050609211596	Lê Thanh	Trúc	27/01/2003	HQ9-GE10	4/6			
69	050611231439	Đỗ Thanh	Trúc	17/12/2005	HQ11-BAF12	4/6			
70	050611231470	Phạm Ngọc	Tuấn	26/12/2005	HQ11-BAF06	4/6			
71	050609212313	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	29/01/2003	HQ9-GE18	4/6			
72	050607190615	Võ Thanh	Tuyền	16/08/2001	HQ7-GE12			79	
73	050611231504	Lê Phan Nhã	Uyên	26/09/2005	HQ11-BAF18	4/6			
74	050609212330	Trần Thị Yến	Vi	12/06/2003	HQ9-GE28	4/6			
75	050609212345	Trương Nguyễn Tường Vy		08/10/2003	HQ9-GE28	4/6			
76	050611231576	Nguyễn Bảo	Vy	06/12/2005	HQ11-BAF04	4/6			
77	050611231595	Nguyễn Trần Yến	Vy	13/11/2005	HQ11-BAF17	4/6			
78	050609211771	Bùi Thị Kim	Xuyến	02/10/2003	HQ9-GE11	4/6			

Tổng số: 78 sinh viên



DECISION

Regarding the recognition of meeting the English proficiency graduation requirement for full-time undergraduate students enrolled in the partial English program (CLC) in August 2025

RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16th, 2024), by the Chairman of the University Council on promulgating the Regulation on functions, tasks, powers, and organizational structure of the units under the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Resolution No. 35/NQ-ĐHNH-HĐT (April 5, 2024) on the reorganization and renaming of several units under the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 466/QĐ-ĐHNH (February 28th, 2024) by the Rector on promulgating the Regulation on organization and management of undergraduate training at the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24th, 2024) by the Rector on promulgating the Regulation on the organization and implementation of the high-quality, partially English-taught, and special undergraduate training programs at the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Announcement No. 311/TB-ĐHNH (March 31th, 2021) on the application of foreign language graduation requirements for full-time undergraduate high-quality programs

Considering the English certificates submitted by students and the recommendation of the Head of the Academic Affairs Office.

DECISION:

Article 1: Recognition of meeting the English proficiency graduation requirement as specified in the training program for 78 full-time undergraduate students enrolled in the high-quality partial English program.

(List attached)

Article 2: Related units shall coordinate implementation according to Decision No. 1075/QĐ-ĐHNH (May 8, 2019) by the Rector on promulgating the Regulation on grading management on the Academic Management Software System.



Article 3: The Chief of Office, Head of the Academic Affairs Office, Head of the Testing and Quality Assurance Office, and the students listed in Article 1 are responsible for implementing this Decision.

Recipients:

- As Article 3;
- Testing & Quality Assurance office.
- General Administration Office
- , High-Quality Program Committee.

RECTOR 

(Signed)

Nguyen Duc Trung



**LIST OF FULL-TIME UNDERGRADUATE STUDENTS IN THE HIGH-QUALITY
PARTIAL ENGLISH PROGRAM (CLC) RECOGNIZED FOR MEETING THE ENGLISH
PROFICIENCY GRADUATION REQUIREMENT – AUGUST 2025 SESSION**

Issued together with Decision No: 3560/QĐ-ĐHNH, dated 24 / 9 /2025 by the Rector of Banking
University of Ho Chi Minh City

NO.	STUDENT ID	FULL NAME	DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERTIFICATE			
					VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
1	050611230009	Nguyễn Hoàng Như An	15/08/2005	HQ11-MAG07	4/6			
2	050609211824	Nguyễn Yến Anh	04/02/2003	HQ9-GE05	4/6			
3	050610220030	Nguyễn Thị Kim Anh	28/04/2004	HQ10-GE23	4/6			
4	050610220026	Lê Ngọc Anh	01/08/2004	HQ10-GE30	4/6			
5	050609211819	Nguyễn Ngọc Minh Anh	17/01/2003	HQ9-GE09	4/6			
6	050611230093	Đinh Đào Ngọc Ánh	12/06/2005	HQ11-ACC03	4/6			
7	050609210140	Trần Nguyên Bình	19/10/2003	HQ9-GE09	4/6			
8	050609211863	Huỳnh Thế Danh	18/06/2003	HQ9-GE13	4/6			
9	050606180075	Phạm Anh Đào	16/06/1999	HQ6-GE08			71	
10	050609210229	Phạm Minh Đức	25/01/2003	HQ9-GE12		6.0		
11	050609210230	Trần Việt Đức	10/04/2003	HQ9-GE01	4/6			
12	050609211881	Trịnh Quang Dương	03/10/2003	HQ9-GE14	4/6			
13	050607190093	Phan Thị Mỹ Duyên	26/08/2001	HQ7-GE13		5.5		
14	050609210317	Trương Thị Ngọc Hà	29/03/2003	HQ9-GE20	4/6			
15	050609211908	Nguyễn Hồng Hà	14/11/2003	HQ9-GE20				895+340
16	050607190181	Đàm Minh Hưng	21/01/2001	HQ7-GE16	4/6			
17	030136200816	Nguyễn Tấn Hưng	03/09/2002	HQ8-GE08	4/6			
18	050611230419	Võ Thị Diễm Hương	18/07/2005	HQ11-BAF01	4/6			
19	050609211970	Võ Thanh Huyền	16/01/2003	HQ9-GE15	4/6			
20	050611230447	Lê Thị Mỹ Huyền	20/01/2005	HQ11-BAF13	4/6			
21	050608200389	Nguyễn Ngọc Duy Kha	26/02/2002	HQ8-GE11	4/6			
22	050609210534	Nguyễn Huỳnh Minh Khánh	04/12/2003	HQ9-GE06	4/6			
23	050610220243	Trang Sỹ Khoa	04/10/2004	HQ10-GE06		5.5		
24	050610221003	Đỗ Hoàng Khương	13/10/2004	HQ10-GE05	4/6			
25	050611230536	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11/04/2005	HQ11-MAG01	4/6			
26	050609210628	Lê Thị Bích Liên	26/07/2003	HQ9-GE22	4/6			
27	050607190227	Nguyễn Duy Ngọc Linh	25/08/2001	HQ7-GE13	4/6			
28	050611230571	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	01/01/2005	HQ11-BAF14			74	

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
29	050609212023	Nguyễn Thị Mỹ	Long	14/04/2003	HQ9-GE15	4/6			
30	050609212033	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	26/12/2003	HQ9-GE22	4/6			
31	050609210811	Nguyễn Phương	Nga	08/10/2003	HQ9-GE23		5.5		
32	050608200463	Hồ Thị Thu	Ngân	08/07/2002	HQ8-GE03	4/6			
33	050611230728	Nguyễn Lê Thiên	Ngân	18/02/2005	HQ11-BAF05	4/6			
34	050606180229	Mai Thị Kim	Ngân	28/08/2000	HQ6-GE08			82	
35	050609210873	Nguyễn Phạm Thảo	Nghi	02/09/2003	HQ9-GE23	4/6			
36	050611230769	Trần Trọng	Nghĩa	21/01/2005	HQ11-MAG01	4/6			
37	050611230778	Đỗ Nguyễn Bảo	Ngọc	26/04/2005	HQ11-BAF16	4/6			
38	050609210947	Nguyễn Thảo	Nguyên	04/01/2003	HQ9-GE23	4/6			
39	050610221149	Võ Duy	Nguyên	27/11/2004	HQ10-GE29	4/6			
40	050609212085	Vy Thị Mỹ	Nhân	04/06/2003	HQ9-GE02	4/6			
41	050609210968	Nguyễn Diễm Thiện	Nhân	08/01/2003	HQ9-GE23	4/6			
42	050610220384	Đào Anh	Nhật	07/10/2004	HQ10-GE30	4/6			
43	050609212098	Nguyễn Thị Uyển	Nhi	26/02/2003	HQ9-GE23	4/6			
44	050609211008	Nguyễn Thị Yến	Nhi	02/11/2003	HQ9-GE16	4/6			
45	050609212120	Trịnh Ngọc	Như	18/02/2003	HQ9-GE09	4/6			
46	050610220418	Đinh Nhật Khánh	Như	30/06/2004	HQ10-GE20	4/6			
47	050609211066	Bùi Kiều	Như	04/07/2003	HQ9-GE24	4/6			
48	050609211033	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	12/01/2003	HQ9-GE24	4/6			
49	050609211079	Nguyễn Phi	Nhung	08/10/2003	HQ9-GE01	4/6			
50	050610221193	Nguyễn Huyền	Nhung	30/03/2004	HQ10-GE22	4/6			
51	050609212126	Tô Hà Kiều	Oanh	22/06/2003	HQ9-GE16	4/6			
52	050608200132	Nguyễn Huỳnh	Phúc	14/05/2002	HQ8-GE16	4/6			
53	050608200138	Thái Phạm Diễm	Quỳnh	28/07/2002	HQ8-GE06	4/6			
54	050609211273	Ngô Kim	Tâm	03/04/2003	HQ9-GE25		5.5		
55	050610220540	Huỳnh Thị Ngọc	Thanh	17/09/2004	HQ10-GE12	4/6			
56	050609212218	Lê Cẩm	Thơ	14/04/2003	HQ9-GE12	4/6			
57	050610220599	Quản Thị Minh	Thư	29/01/2004	HQ10-GE01				910+340
58	050609212246	Võ Thị Huyền	Thương	16/09/2003	HQ9-GE17	4/6			
59	050610221352	Lê Diễm	Thúy	19/06/2004	HQ10-GE25	4/6			
60	050609212222	Nguyễn Đoan	Thùy	02/02/2003	HQ9-GE17	4/6			
61	050608200704	Châu Vũ Hoàng	Thy	11/05/2002	HQ8-GE01	4/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
62	050608200623	Trương Thủy	Tiên	28/10/2002	HQ8-GE13	4/6			
63	050609211517	Nguyễn Tuyết	Trâm	07/11/2003	HQ9-GE27	4/6			
64	050609212286	Trần Bình Quế	Trân	08/07/2003	HQ9-GE17	4/6			
65	050609212263	Đặng Thị Thùy	Trang	21/08/2003	HQ9-GE27	4/6			
66	050609212275	Ngô Nguyễn Cát	Tranh	28/06/2003	HQ9-GE18	4/6			
67	050610220666	Lê Thị Phương	Trinh	22/03/2004	HQ10-GE20	4/6			
68	050609211596	Lê Thanh	Trúc	27/01/2003	HQ9-GE10	4/6			
69	050611231439	Đỗ Thanh	Trúc	17/12/2005	HQ11-BAF12	4/6			
70	050611231470	Phạm Ngọc	Tuấn	26/12/2005	HQ11-BAF06	4/6			
71	050609212313	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	29/01/2003	HQ9-GE18	4/6			
72	050607190615	Võ Thanh	Tuyền	16/08/2001	HQ7-GE12			79	
73	050611231504	Lê Phan Nhã	Uyên	26/09/2005	HQ11-BAF18	4/6			
74	050609212330	Trần Thị Yến	Vi	12/06/2003	HQ9-GE28	4/6			
75	050609212345	Trương Nguyễn Tường Vy		08/10/2003	HQ9-GE28	4/6			
76	050611231576	Nguyễn Bảo	Vy	06/12/2005	HQ11-BAF04	4/6			
77	050611231595	Nguyễn Trần Yến	Vy	13/11/2005	HQ11-BAF17	4/6			
78	050609211771	Bùi Thị Kim	Xuyến	02/10/2003	HQ9-GE11	4/6			

Total: 78 students

